TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/DS-PT
Ngày 24/7/2024
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Giáp Bá Dự;

2. Ông Đặng Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24/7/2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số số 09/2024/DS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐ-PT ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D; Địa chỉ: Thôn C, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị D*:* Ông Nguyễn Minh H; địa chỉ: Tổ dân phố F, T, huyện I, tỉnh Gia Lai (Theo giấy ủy quyền số 0036, quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 04/01/2024 của Văn phòng C)(Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Xuân S và bà Nguyễn Thị Thúy N; địa chỉ: Thôn C, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Thúy N*:* Ông Lê Xuân S; địa chỉ: Thôn C, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai (Theo giấy ủy quyền số 0110, quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 15/01/2024 của Văn phòng C)(Có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Xuân S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/3/2019, vợ chồng ông Lê Xuân S, bà Nguyễn Thị Thúy N có vay của bà Duyên số tiền 200.000.000 đồng, khi vay ông S, bà N có lập và giao cho bà D 01 giấy vay tiền thể hiện có vay của bà Duyên số tiền trên, thời hạn thanh toán là ngày 26/9/2019. Lãi suất hai bên có thỏa thuận là 1%/tháng. Sau khi vay ông S, bà N lấy lý do khó khăn do dịch bệnh nên không chịu thanh toán tiền lãi cho bà D theo đúng nội dung thỏa thuận mà đến tận tháng 01/2021 mới bắt đầu chịu trả lãi cho bà D nhưng việc trả lãi không thường xuyên (tháng trả, tháng không). Đến ngày 19/01/2022 ông S, bà N thanh toán cho bà D được số tiền gốc là 50.000.000^{đ}. Sau đó ông S, bà N vẫn thanh toán lãi của số tiền nợ gốc còn lại nhưng có một số tháng không trả; đặc biệt kể từ tháng 8/2023 đến nay ông S, bà N không còn tiếp tục trả lãi nữa. Bà D có yêu cầu thanh toán số tiền gốc và lãi suất còn lại nhưng ông S, bà N vẫn không chịu thực hiện.

Do vậy, bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Xuân S và bà Nguyễn Thị Thúy N phải thanh toán cho bà D những khoản tiền nợ sau: Số tiền nợ gốc còn lại là 150.000.000^{đ}; Tiền lãi theo thỏa thuận của số tiền 200.000.000^{đ} kể từ ngày vay cho đến tháng 01/2021 là 44.000.000^{đ}; Tiền lãi của số tiền 200.000.000^{đ} của các tháng chưa trả trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 01/2022 (gồm tháng 5/2021, tháng 9/2021, tháng 10/2021) là 6.000.000^{đ}; Tiền lãi của số tiền 150.000.000^{đ} của số tháng chưa trả trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 7/2023 (gồm tháng 02/2022, tháng 10/2022, tháng 11/2022, tháng 6/2023) là 6.000.000^{đ}; Tiền lãi của số tiền 150.000.000^{đ} kể từ ngày 29/7/2023 đến khi thanh toán xong khoản nợ, tạm tính đến 23/4/2024 tổng cộng cả gốc và lãi là 222.900.000 đồng.

Bà D không đồng ý với lời trình bày của ông S về việc đã thanh toán tiền lãi cho bà D đến hết tháng 7/2023. Bà D không có viết lại giấy nợ theo bản phô tô Giấy mượn tiền đề ngày 19/01/2022 mà ông S cung cấp nên không thể cung cấp theo yêu cầu của ông S. Bà D không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần toàn bộ số tiền nợ trong 03 năm của ông S và bà N.

2. Bị đơn trình bày:

Vợ chồng ông S, bà N có vay của bà Nguyễn Thị Duyên s tiền 200.000.000 vào ngày 26/3/2019, lãi suất 1%/tháng, nhưng sau đó ông S, bà N đã thanh toán hết toàn bộ số tiền lãi và 50.000.000 đồng tiền gốc nên đến ngày 19/01/2022 ông S, bà N đã làm lại giấy mượn tiền, theo đó vợ chồng ông S, bà N còn nợ bà Duyên số tiền gốc là 150.000.000 đồng như giấy ông S, bà N đã cung cấp cho Toà án. Ông S, bà N cũng đã trả tiền lãi cho bà D đến tháng 7/2023 nhiều lần theo các chứng từ giao dịch mà ông S, bà N đã cung cấp cho Toà án và các tháng khác thì ông S, bà N không chuyển khoản mà trả bằng tiền mặt.

Ông S, bà N chỉ đồng ý trả nợ cho bà Duyên số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 8/2023 đến nay là 15.000.000 đồng nhưng do ông S, bà N chưa bán được đất nên hiện nay chưa có tiền để trả, họ đề nghị được trả dần số tiền nợ cho bà D trong 03 năm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Lê Xuân S và bà Nguyễn Thị Thúy N phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 23/4/2024 là 222.900.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/5/2024, bị đơn ông Lê Xuân S kháng cáo với nội dung:

- Ông Lê Xuân S yêu cầu tính lãi suất của số nợ từ ngày 19/01/2022 và yêu cầu được trả dần số tiền nợ cho bà Nguyễn Thị D hoặc bà D lấy tài sản của ông S và bà N để cấn trừ nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Xuân S là bị đơn đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy N trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Lê Xuân S kháng cáo yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng từ ngày 19/01/2022. Hội đồng xét xử thấy rằng vào ngày 19/01/2022 bị đơn đã trả cho nguyên đơn 52.000.000 đồng thông qua chứng từ giao dịch của Ngân hàng N1, trong đó có 50.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi; kể từ sau thời gian này, bị đơn đã tiếp tục trả nợ lãi cho nguyên đơn trên số tiền gốc 150.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng là 1.500.000 đồng/tháng. Như vậy, tính đến ngày 19/01/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn đã chốt nợ lãi của số tiền 200.000.000 đồng, theo đó, bị đơn không còn nợ lãi của khoản tiền vay này, đồng thời bị đơn đã xác nhận còn nợ 150.000.000 đồng và sau đó tiếp tục trả nợ lãi của số tiền vay thông qua các chứng từ chuyển tiền từ Ngân hàng N1 cho nguyên đơn. Việc trả lãi của bị đơn được nguyên đơn thừa nhận nên đây là

chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Như vậy, số tiền nợ lãi của 200.000.000 đồng không được tính kể từ ngày vay 26/3/2019 đến ngày 19/01/2022 mà chỉ tính số tiền nợ lãi của khoản vay 150.000.000 đồng từ ngày 20/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/4/2024 với mức lãi suất theo thỏa thuận 1%/tháng là 41.150.000 đồng. Mặc dù vậy, bị đơn có trả lãi cho nguyên đơn thông qua việc chuyển khoản từ Ngân hàng N1 trong các ngày 16/3/2022, 12/4/2022, 09/5/2022, 30/12/2022, 31/01/2023, 28/02/2023, 28/3/2023, 28/4/2023, 30/5/2023, 08/7/2023; tổng cộng 15.000.000 đồng, vì vậy, số tiền nợ lãi đã trả được trừ vào số tiền nợ lãi còn phải trả, cụ thể là 41.150.000 đồng – 15.000.000 đồng = 26.150.000 đồng.

[2.3] Ông Lê Xuân S còn kháng cáo yêu cầu được trả dần số tiền nợ cho bà Nguyễn Thị D hoặc bà D lấy tài sản của ông S và bà N để cấn trừ nợ. Xét yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý và cũng không phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những phân tích và nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Xuân S, sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn trả nợ gốc 150.000.000 đồng và nợ lãi chưa trả 26.150.000 đồng, tổng cộng 176.150.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên án phí cũng cần sửa lại cho đúng; đối với án phí phúc thẩm thì bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Xuân S; sửa Bản án sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Lê Xuân S và bà Nguyễn Thị Thúy N phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Duyên s tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 23/4/2024 là 26.150.000 đồng, tổng cộng 176.150.000 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Lê Xuân S và bà Nguyễn Thị Thúy N phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.807.500 đồng (tám triệu, tám trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm đồng); Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Duyên s tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.317.500 đồng (năm triệu, ba trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009426 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Xuân S 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đã nộp theo biên lai số 0009528, ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lưu Anh Tuấn